

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/KDTM-ST

Ngày: 13/8/2020

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Phương Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sơn
Ông Nguyễn Việt Anh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 16/2019/TLST-KDTM ngày 10/5/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXX-KDTM ngày 24/6/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 60/2020/QĐST-KDTM ngày 20/7/2020; giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V;

Trụ sở: số .., phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phan Văn N, ông Đỗ Văn K (theo văn bản ủy quyền số 7152/2019/UQ-VPB ngày 06/11/2019) (Có mặt ông K).

Bị đơn: Công ty TNHH T;

Trụ sở: số .., đường P, phường G, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Anh T - Giám đốc (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Ngô Anh T, sinh năm 1993;

Cư trú tại: Khu .., thôn L, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2018 và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần V do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Theo Hợp đồng cho vay từng lần số 210717-3800038-01-SME ngày 25/7/2017, phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 25/7/2017, Công ty TNHH T (gọi tắt là Công ty T) vay vốn của Ngân hàng thương mại cổ phần V (gọi tắt là Ngân hàng) với tổng số tiền là 500.000.000 đồng, với mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh khóa cửa và các loại phụ kiện cửa; Lãi suất cho vay được quy định trong (các) Khế ước nhận nợ ký kết giữa Bên vay và Ngân hàng; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Khoản nợ lãi quá hạn sẽ phải chịu tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty T vay theo Khế ước nhận nợ số 250717-3800038-01-SME ngày 25/7/2017, số tiền là: 498.000.000 đồng; Thời hạn vay: 36 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là: 27,2%/năm. Lãi suất này sẽ được thay đổi theo phương thức như sau: Lãi suất cho vay trong hạn được cố định trong vòng 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 03 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần, kỳ điều chỉnh đầu tiên là ngày 25/10/2017. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 19%/năm.

Biện pháp bảo đảm cho khoản vay nêu trên: Theo Hợp đồng bảo lãnh số 210717- 3800038-01-SME/HĐBL ngày 25/7/2017, bên bảo lãnh là ông Ngô Anh T đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty TNHH T thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng cho vay từng lần số 210717- 3800038-01-SME ngày 25/7/2017 và các hợp đồng văn bản tín dụng khác ký giữa Công ty T và Ngân hàng bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngân hàng đã thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng mà hai bên đã ký kết nhưng Công ty T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng đã ký kết. Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng kể từ ngày 25/11/2017 nên toàn bộ khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ. Tính đến ngày 18/6/2020 số tiền mà Công ty T đã thanh toán cho Ngân hàng gồm: nợ gốc là 41.499.999 đồng; nợ lãi là: 38.663.394 đồng, phạt chậm trả là 583.375 đồng, tổng cộng là 80.746.768 đồng

Ngân hàng thương mại cổ phần V đề nghị Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai giải quyết:

- Buộc Công ty T phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ ngày 25/7/2017 nêu trên tạm tính đến ngày 18/6/2020 số tiền là: nợ gốc: 456.500.001 đồng; nợ lãi trong hạn: 21.912.295 đồng; nợ lãi quá hạn: 463.557.016 đồng, phạt chậm trả lãi: 68.810.110 đồng; Tổng cộng là: 1.010.779.422 đồng.

- Trong trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng, đề nghị Tòa án buộc ông Ngô Anh T có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty T toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên.

- Tiếp tục tính lãi và phạt chậm trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên cho đến ngày Công ty T thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

- Trong trường hợp Công ty T và ông Ngô Anh T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty T và ông Ngô Anh T để thu hồi khoản nợ vay.

Ngày 24/6/2020, Ngân hàng có Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu Công ty T phải thanh toán số tiền phạt chậm trả lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ.

* Bị đơn là Công ty TNHH T có trụ sở tại số .., đường P, phường G, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật là ông Ngô Anh T - Giám đốc, đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Khu .., thôn L, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội (theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số doanh nghiệp 0107588345, đăng ký lần đầu ngày 06/10/2016 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cung cấp).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là Công ty T tại địa chỉ: số .., đường P, phường G, quận Hoàng Mai, Hà Nội nhưng không thực hiện được việc tổng đạt trực tiếp cho Công ty T.

Tòa án tiến hành xác minh trụ sở hoạt động của Công ty T, được Công an phường G cung cấp: Hiện tại địa chỉ số .., đường P, phường G, quận Hoàng Mai, Hà Nội Công ty T không hoạt động, làm việc, Công an không nắm được thông tin gì về Công ty T.

Ngày 22/11/2019, Tòa án gửi công văn số 474/CV-TA đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cung cấp thông tin doanh nghiệp của Công ty T. Ngày 28/11/2019, Phòng Đăng ký kinh doanh có công văn số 3309/CCTT-ĐKKD cung cấp thông tin gửi Tòa án kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty T mã số doanh nghiệp 0107588345, đăng ký lần đầu ngày 06/10/2016 và cho biết hiện nay Công ty T

chưa đăng ký thủ tục thay đổi nội dung ĐKKD, tạm ngừng, giải thể, chuyển đổi loại hình, sáp nhập hay chia tách doanh nghiệp.

Ngày 22/11/2019, Tòa án gửi công văn số 475/CV-TA đề nghị Chi cục Thuế quận Hoàng Mai cung cấp thông tin về tình hình hoạt động và nghĩa vụ thuế của Công ty T, được cung cấp: Chi cục Thuế quận Hoàng Mai đã ban hành thông báo số 10293 ngày 14/5/2018 về việc doanh nghiệp không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, kỳ kê khai thuế cuối cùng doanh nghiệp nộp tờ khai thuế là quý 4/2017, Công ty T không thay đổi địa chỉ kinh doanh.

Tòa án tiến hành xác minh tại Công an xã T, huyện Đ, Hà Nội được cung cấp: ông Ngô Anh T, sinh năm 1993, có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại: khu ..., thôn L, xã T, huyện Đ, Hà Nội, nhưng từ khoảng tháng 12/2018 đến nay ông T không còn sinh sống tại địa chỉ trên và hiện chuyển đi đâu thì công an không nắm được.

Do vậy, Tòa án tiến hành tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với bị đơn là Công ty T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Anh T gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa để Ông Ngô Anh T biết những vấn đề cụ thể mà Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết; đồng thời Tòa án triệu tập ông T đến Tòa án để thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, ông T không có mặt theo thông báo triệu tập để làm bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải. Đồng thời, trên cơ sở yêu cầu của Ngân hàng, Tòa án thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về thời gian, địa điểm mở phiên tòa nhưng người đại diện theo pháp luật của bị đơn, ông Ngô Anh T cũng không tham gia phiên tòa nên phải chịu hậu quả do Bộ luật tố tụng dân sự quy định và Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa, Ngân hàng thương mại cổ phần V rút yêu cầu đòi số tiền phạt chậm trả lãi là 76.790.056 đồng, yêu cầu Tòa án buộc Công ty T phải trả số tiền gồm: nợ gốc là 456.500.001 đồng, nợ lãi trong hạn là 21.641.854 đồng, nợ lãi quá hạn là 492.368.563 đồng, tổng cộng là: 970.510.418 đồng và tiếp tục tính lãi trên số nợ gốc theo đúng thỏa thuận cho đến ngày thanh toán hết nợ; Trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng, đề nghị Tòa án buộc ông Ngô Anh T có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty T toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ; Trường hợp Công ty T và ông Ngô Anh T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán

nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty T và ông Ngô Anh T để thu hồi khoản nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành việc triệu tập của Tòa án và không có ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ, không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Về yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn: Xét các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật. Về lãi suất cho vay được các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật. Hợp đồng bảo lãnh ký kết giữa Ngân hàng và ông T là phù hợp quy định của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Nguyên đơn xin rút yêu cầu thanh toán phạt chậm trả lãi là tự nguyện nên chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử: đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu thanh toán số tiền phạt chậm trả lãi, buộc Công ty T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là: 970.510.418 đồng, trong đó nợ gốc là: 456.500.001 đồng, nợ lãi là: 514.010.417 đồng. Trường hợp Công ty T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông T có nghĩa vụ phải trả nợ thay. Công ty T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng, bị đơn trong vụ án là Công ty TNHH T có trụ sở tại số ..., đường P, phường G, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

[2] Về việc xét xử trong trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, Ngân hàng tự nguyện rút yêu cầu đòi Công ty T trả số tiền phạt chậm trả lãi là 76.790.056 đồng. Xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút và Ngân hàng không phải chịu án phí. Nếu sau này Ngân hàng khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về hợp đồng tín dụng: Ngày 25/7/2017, Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Sở giao dịch - PGD Đông Hà Nội và Công ty T ký hợp đồng cho vay từng lần số 210717- 3800038-01-SME và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ gồm các nội dung chủ yếu sau: số tiền vay là 500.000.000 đồng; thời hạn vay 36 tháng; mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh khóa cửa và các loại phụ kiện cửa; Lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất: Được Ngân hàng và bên vay thỏa thuận theo cung cấp vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của bên vay và được quy định cụ thể trong (các) Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan ký kết giữa Ngân hàng và bên vay; Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Phương pháp tính lãi đối với dư nợ gốc: Tiền lãi được tính trên cơ sở một năm là 360 ngày, Số tiền lãi phải trả mỗi kỳ = Dư nợ gốc thực tế tại thời điểm tính lãi x số ngày thực tế của kỳ tính lãi x lãi suất đang áp dụng tại thời điểm tính lãi/360. Xét hợp đồng tín dụng được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên hợp đồng tín dụng có hiệu lực từ thời điểm ký kết và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết.

[5] Về yêu cầu đòi nợ gốc: Thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty T thông qua khế ước nhận nợ số 250717-3800038-01-SME ngày 25/7/2017 số tiền là 498.000.000 đồng và thỏa thuận: Thời hạn vay là 36 tháng; Các kỳ trả nợ như sau: Nợ gốc trả 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng; tổng cộng gồm 36 kỳ, mỗi kỳ trả 13.833.333 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả 13.833.345 đồng; Nợ lãi: trả 01 tháng/1 lần, vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/8/2017.

Kể từ khi được giải ngân đến nay, Công ty T đã trả cho Ngân hàng được 41.499.999 đồng tiền gốc và 38.663.394 đồng tiền lãi, số tiền gốc chưa trả là 456.500.001 đồng. Do Công ty T vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 25/11/2017 nên đã vi phạm vào Điều 2 của hợp đồng tín dụng. Do đó Ngân hàng đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn kể từ ngày 26/11/2017 và Công ty T phải chịu lãi suất nợ quá hạn kể từ thời điểm này. Tính đến ngày 13/8/2020 số tiền gốc Công ty T chưa trả Ngân hàng là 456.500.001 đồng. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty T phải trả số tiền nợ gốc là 456.500.001 đồng là có cơ sở và phù hợp

với quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên được chấp nhận, buộc Công ty T phải trả Ngân hàng số nợ gốc là 456.500.001 đồng.

[6] Về yêu cầu đòi tiền lãi: Theo Khế ước nhận nợ số 250717-3800038-01-SME ngày 25/7/2017 được các bên ký kết, các bên thoả thuận lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 27,2%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được cố định trong vòng 3 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 3 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần, bằng lãi suất bán vốn + biên độ 19%/năm. Tại thời điểm này, Ngân hàng Nhà nước không quy định lãi suất cho vay tối đa, do đó việc Ngân hàng và Công ty T thoả thuận lãi suất cho vay là 27,2%/năm tại thời điểm giải ngân đầu tiên là không trái quy định của pháp luật.

Theo bảng kê tính lãi và qua kiểm tra, đối chiếu xét thấy Ngân hàng đã tính số tiền lãi trong hạn, quá hạn theo đúng như thoả thuận trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, quyết định áp dụng biểu lãi suất điều chuyển vốn nội bộ. Do vậy, căn cứ vào Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc Công ty T phải trả số tiền lãi tính đến ngày 13/8/2020 gồm: tiền lãi trong hạn là: 21.641.854 đồng, tiền lãi quá hạn là 492.368.563 đồng, tổng là 514.010.417 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về nội dung và hiệu lực của hợp đồng bảo lãnh: Ngày 25/7/2017 Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Sở giao dịch - PGD Đông Hà Nội và ông Ngô Anh T đã ký hợp đồng bảo lãnh số 210717- 3800038-01-SME/HĐBL, với nội dung: Ông Ngô Anh T đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty TNHH T trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, các chi phí và tất cả các nghĩa vụ khác của Công ty T với Ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng cho vay từng lần số 210717- 3800038-01-SME ngày 25/7/2017 và các hợp đồng văn bản tín dụng khác ký giữa Công ty T và Ngân hàng, bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và văn bản liên quan. Việc bảo lãnh có hiệu lực từ ngày phát sinh nghĩa vụ được bảo lãnh cho đến khi Công ty T thực tế thanh toán hết nghĩa vụ trả nợ và hoàn thành toàn bộ các nghĩa vụ với Ngân hàng theo các văn kiện tín dụng.

Xét hợp đồng bảo lãnh có nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 335, 336, 339, 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên hợp đồng có hiệu lực và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết.

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Công ty T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật, trả lại Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tại phiên tòa phù hợp với pháp luật, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95, khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào các điều 335, 336, 339, 342 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Đình chỉ xét xử yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần V về việc đòi Công ty TNHH T trả số tiền phạt chậm trả lãi là 76.790.056 đồng. Nếu có tranh chấp, thì Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V về việc đòi Công ty TNHH T trả số tiền nợ phát sinh theo hợp đồng cho vay từng lần số 210717-3800038-01-SME ngày 25/7/2017, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 25/7/2017, Khế ước nhận nợ số 250717-3800038-01-SME ngày 25/7/2017.

Buộc Công ty TNHH T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V các khoản tiền tính đến ngày 13/8/2020 gồm: Nợ gốc là 456.500.001 đồng, tiền lãi trong hạn là 21.641.854 đồng, tiền lãi quá hạn là 492.368.563 đồng, tổng là: 970.510.418 đồng (Chín trăm bảy mươi triệu, năm trăm mười nghìn, bốn trăm mười tám đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Trong trường hợp Công ty TNHH T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V, buộc Ông Ngô Anh T có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty TNHH T toàn bộ số tiền

nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ nêu trên.

4. Về án phí:

- Công ty TNHH T phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 41.115.312 đồng (Bốn mươi một triệu, một trăm mười lăm nghìn, ba trăm mười hai đồng).

- Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0004119 ngày 03/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Công ty TNHH T, ông Ngô Anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai;
- Chi cục Thi hành án DS quận Hoàng Mai;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Phương Minh